

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CUỐI KỲ II - TACS 3
NĂM HỌC 2016-2017
Trường: Đại Học Ngoại Ngữ

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Tên lớp (Viết tắt)	Mã lớp môn học	Chuyên cần	Điểm PT1	Điểm PT2	Ghi chú
1	16041734	Nguyễn Nữ Hoàng	Anh	17/11/1998	QH2016.F1.J7.SP	16.F1.J7.SP	FLF1107 1	ĐẠT	6,3	9,0
2	15042020	Phạm Thị Lan	Anh	25/01/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	4,6	5,0
3	13041073	Phạm Thảo	Chi	13/06/1995	QH2013.F1.R1.Du lịch	13F1R1 DU LỊCH	FLF1107 1	ĐẠT	6,3	5,0
4	15040203	Lang Thị	Chuyên	13/07/1996	QH2015.F1.K3	15F1K3	FLF1107 1	ĐẠT	5,0	7,0
5	15043297	Lê Quang	Duy	15/03/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	7,1	9,5
6	15042285	Nguyễn Thị	Giang	05/09/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	4,3	5,0
7	15043365	Hoàng Thái	Hà	08/4/1997	QH2015.F1.C3.PD	15.F1.C3.PD	FLF1107 1	ĐẠT	6,6	9,0
8	14041385	Phạm Ngọc	Hà	04/11/1995	QH2014.F1.J4.PD	14.F1.J4.PD	FLF1107 1	ĐẠT	6,0	5,0
9	15040160	Trình Thị Nguyễn	Hanh	26/02/1997	QH2015.F1.R3.NN	15.F1.R3.NN	FLF1107 1	ĐẠT	6,3	7,0
10	16041422	Phạm Thanh	Hiếu	08/04/1998	QH2016.F1.G2	16F1G2	FLF1107 1	ĐẠT	6,6	10
11	13040884	Phạm Thị Minh	Hồng	12/08/1995	QH2013.F1.R1.Du lịch	13F1R1 DU LỊCH	FLF1107 1	ĐẠT	6,6	5,0
12	16042569	Đỗ Thị	Huệ	13/02/1993	QH2016.F1.J8.NN	16.F1.J8.NN	FLF1107 1	ĐẠT	4,3	7,0
13	15044123	Hà Mỹ	Linh	22/04/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	8,0	9,0
14	15040208	Trương Thị	Linh	09/09/1996	QH2015.F1.C5.PD	15.F1.C5.PD	FLF1107 1	ĐẠT	6,3	6,5
15	13041074	Nguyễn Nguyễn Thảo	Ly	10/06/1995	QH2013.F1.R1.Du lịch	13F1R1 DU LỊCH	FLF1107 1	ĐẠT	7,1	5,0
16	15042205	Nguyễn Quỳnh	Mai	29/03/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	5,1	6,0
17	14041066	Nguyễn Thị Phương	Mai	28/09/1996	QH2013.F1.C3.SP	13.F1.C3.SP	FLF1107 1	ĐẠT	7,1	9,0
18	15042834	Trần Thị Hồng	Mai	04/07/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	4,6	7,0
19	13040891	Lê Thị Hồng	Minh	22/06/1995	QH2013.F1.R1.Du lịch	13F1R1 DU LỊCH	FLF1107 1	ĐẠT	7,4	7,5
20	16041519	Vương Kim	Ngọc	24/12/1998	QH2016.F1.J3.NN	16.F1.J3.NN	FLF1107 1	ĐẠT	8,3	9,5
21	15041709	Phùng Thị	Nguyễn	29/12/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	5,4	8,5
22	12040772	Tạ Mai	Phương	03/02/1994	QH2013.F1.J5	13F1J5	FLF1107 1	ĐẠT	6,6	7,5
23	16042017	Kim	Sumin	05/03/1998	QH2016.F1.C6.NN	16.F1.C6.NN	FLF1107 1	ĐẠT	4,9	9,0
24	16041267	Ngô Thị	Tâm	01/05/1998	QH2016.F1.C6.NN	16.F1.C6.NN	FLF1107 1	ĐẠT	5,4	5,5
25	13040900	Lê Thị Phương	Tháo	08/04/1995	QH2013.F1.R1.Du lịch	13F1R1 DU LỊCH	FLF1107 1	ĐẠT	7,4	5,0
26	16042791	Nguyễn Thanh	Thúy	29/06/1998	QH2016.F1.C10.NN	16F1C10NN	FLF1107 1	ĐẠT	6,0	7,5
27	14041075	Nguyễn Thu	Thúy	24/06/1996	QH2013.F1.C3.SP	13.F1.C3.SP	FLF1107 1	ĐẠT	7,7	5,0
28	140410838	Ngô Thị	Toan	05/09/1996	QH2015.F1.J2.NN	15.F1.J2.NN	FLF1107 1	ĐẠT	4,9	5,0
29	16041885	Bùi Huyền	Trang	06/05/1998	QH2016.F1.K1	16F1K1	FLF1107 1	ĐẠT	7,7	9,0
30	15042508	Nguyễn Dương Thùy	Trang	17/09/1997	QH2015.F1.J4.NN	15.F1.J4.NN	FLF1107 1	ĐẠT	8,0	9,0
31	13040391	Nguyễn Diệu	Linh	19/04/1995	QH2013.F1.G1	13F1G1	FLF1107 1	ĐẠT	7,1	7,5
32	15040226	Nguyễn Hồng	Hanh	07/08/1997	QH.2015.F.1.K.1	15F1K1	FLF1107 2	ĐẠT	6,0	7,5
33	16042552	Nguyễn Văn	Nghĩa	29/07/1998	QH.2016.F1.J8.NN	16.F1.J8.NN	FLF1107 2	ĐẠT	4,5	6,5
34	16042603	Ngô Thị	Nhung	12/03/1997	QH.2016.F1.J8.NN	16.F1.J8.NN	FLF1107 2	ĐẠT	9,1	8,5
35	15040540	Vũ Mai	Phương	21/03/1997	QH.2014.F.1.C.2.NN	14F1C2NN	FLF1107 2	ĐẠT	6,7	6,5
36	16041738	Đỗ Thu	Trang	18/10/1998	QH.2016.F1.J7.SP	16.F1.J7.SP	FLF1107 2	ĐẠT	7,4	7,5
37	16041717	Lưu Huyền	Trang	13/11/1998	QH.2016.F1.J7.SP	16.F1.J7.SP	FLF1107 2	ĐẠT	8,0	8,0

DANH SÁCH GỒM 37 SV

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017
 NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ PHƯƠNG LOAN